

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/2008/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

ban hành Mẫu chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban

hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Mẫu chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm:

1. Mẫu chứng chỉ quy định từ Phụ lục I đến Phụ lục IX dùng cho Chương trình đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số; Chương trình tiếng dân tộc thiểu số; Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông (phần kiến thức cơ sở); Chương trình ứng dụng công nghệ

thông tin - truyền thông (phần kiến thức chuyên ngành); Chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng công tác pháp chế ngành giáo dục; Chương trình đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng; Chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh; Chương trình ngoại ngữ trình độ A, B, C; Chương trình tin học ứng dụng trình độ A, B, C.

2. Mẫu chứng chỉ quy định tại Phụ lục X dùng cho các chương trình đào tạo hoặc bồi dưỡng có quy định cấp chứng chỉ, ngoài các mẫu chứng chỉ quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 2. Mẫu chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân có kích thước 13 cm x 19 cm gồm hai (02) mặt:

1. Mặt ngoài có màu đỏ đậm, có hình Quốc huy, các chữ in màu vàng. Mặt trong có nền màu trắng, hình trống đồng chính giữa và hoa văn viền màu vàng, tên chứng chỉ có màu đỏ, các chữ khác có màu đen.

2. Nội dung mẫu chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân in trên mặt ngoài và mặt trong, theo quy định từ Phụ lục I đến Phụ lục X; cách ghi chứng chỉ

thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục XI kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

1. Các Mẫu chứng chỉ quy định từ Phụ lục I đến Phụ lục V và Mẫu chứng chỉ quy định tại Phụ lục X được áp dụng từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Các Mẫu chứng chỉ quy định từ Phụ lục VI đến Phụ lục IX được áp dụng từ ngày 01 tháng 02 năm 2009.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo, Thủ trưởng cơ sở giáo dục có thẩm quyền cấp chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

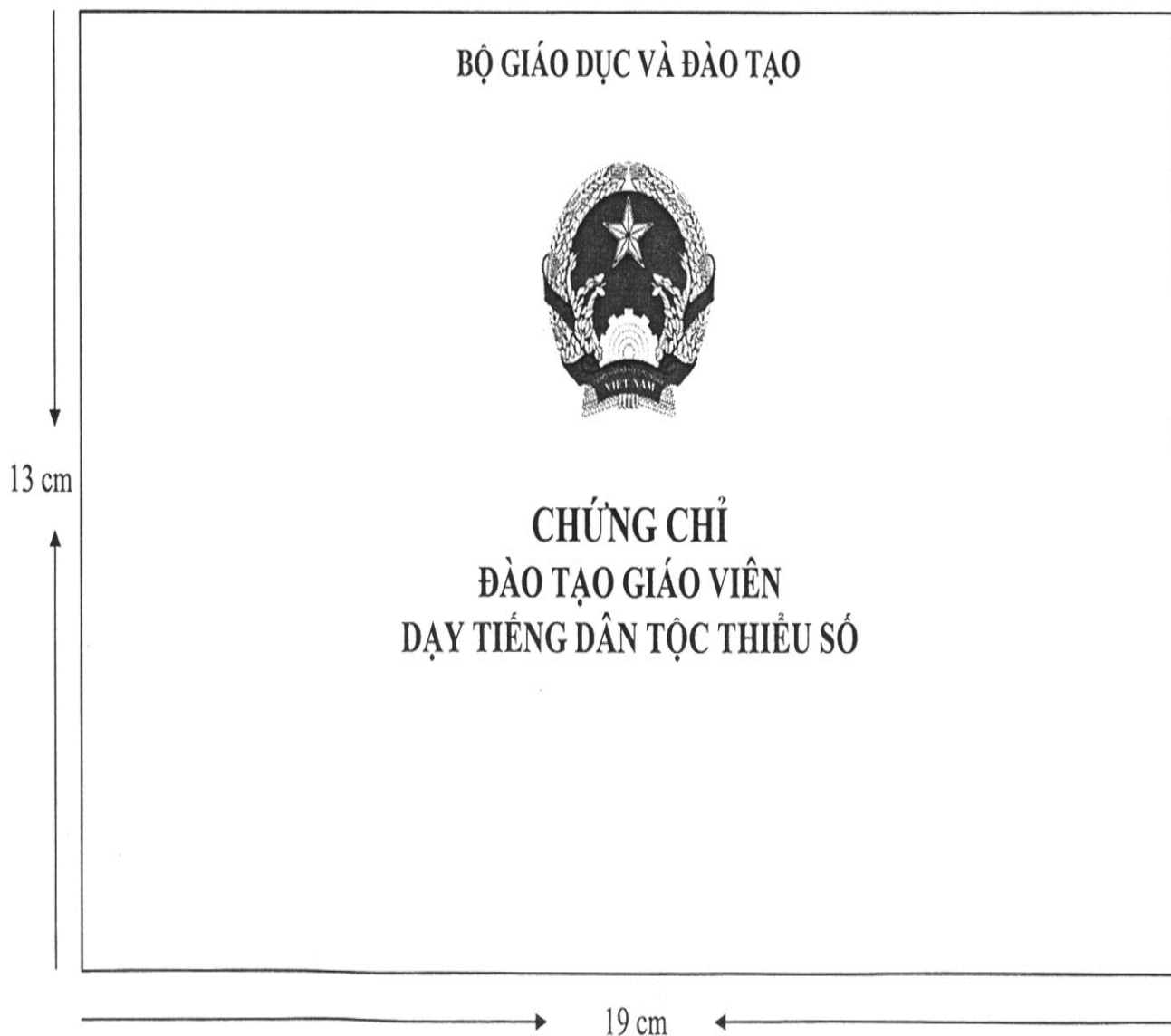
Phạm Vũ Luận

Phụ lục I

MẪU CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN DẠY TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

(kèm theo Quyết định số 34/2008/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mặt trước



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN DẠY TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

.....⁽¹⁴⁾
.....⁽²⁾

13 cm

Cấp cho:⁽³⁾
Sinh ngày:⁽⁴⁾ Tại:⁽⁵⁾
Đã hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc⁽¹⁴⁾
Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm⁽⁶⁾
Hội đồng thi:⁽⁷⁾
Xếp loại:⁽⁸⁾

.....⁽⁹⁾ ngày..... tháng..... năm.....⁽¹⁰⁾
.....⁽¹¹⁾

Số hiệu:⁽¹²⁾
Số vào sổ cấp chứng chỉ:⁽¹³⁾

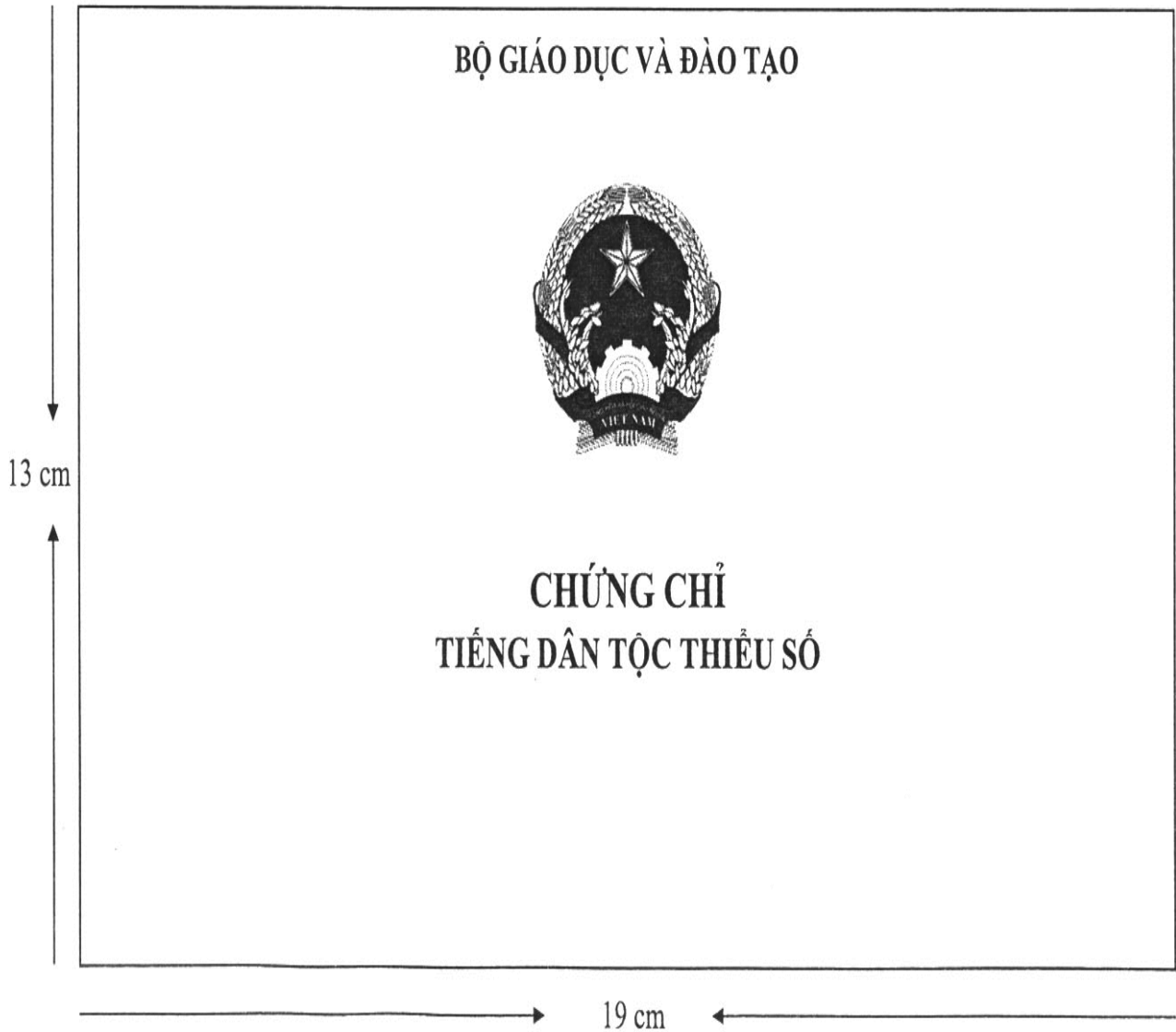
19 cm

Phụ lục II

MẪU CHỨNG CHỈ TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

(kèm theo Quyết định số 34/2008/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mặt trước



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

(14)

(2)

Cấp cho: (3)

Sinh ngày: (4) Tại: (5)

Đã hoàn thành chương trình học tiếng dân tộc (14)

Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm (6)

Hội đồng thi: (7)

Xếp loại: (8)

..... (9) ngày..... tháng..... năm..... (10)
(11)

Số hiệu: (12)

Số vào sổ cấp chứng chỉ: (13)

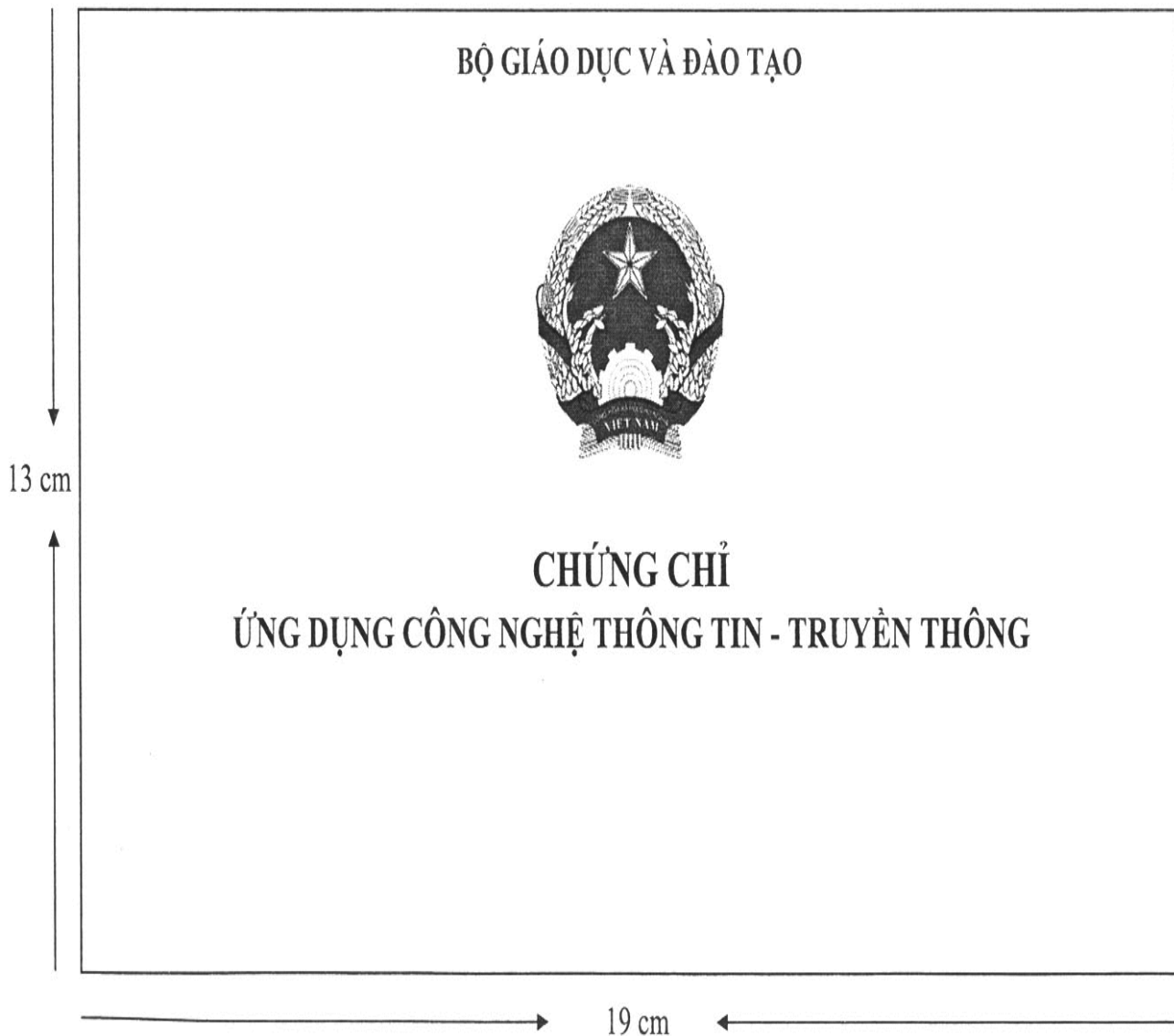
13 cm

19 cm

Phụ lục III

MẪU CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG (PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ)
(kèm theo Quyết định số 34/2008/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mặt trước



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG
(Phần kiến thức cơ sở)

13 cm

Cấp cho:⁽³⁾

Sinh ngày:⁽⁴⁾ Tại⁽⁵⁾

Đã hoàn thành chương trình giáo dục thường xuyên về ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông,
(Phần kiến thức cơ sở)

Hội đồng thi:⁽⁷⁾

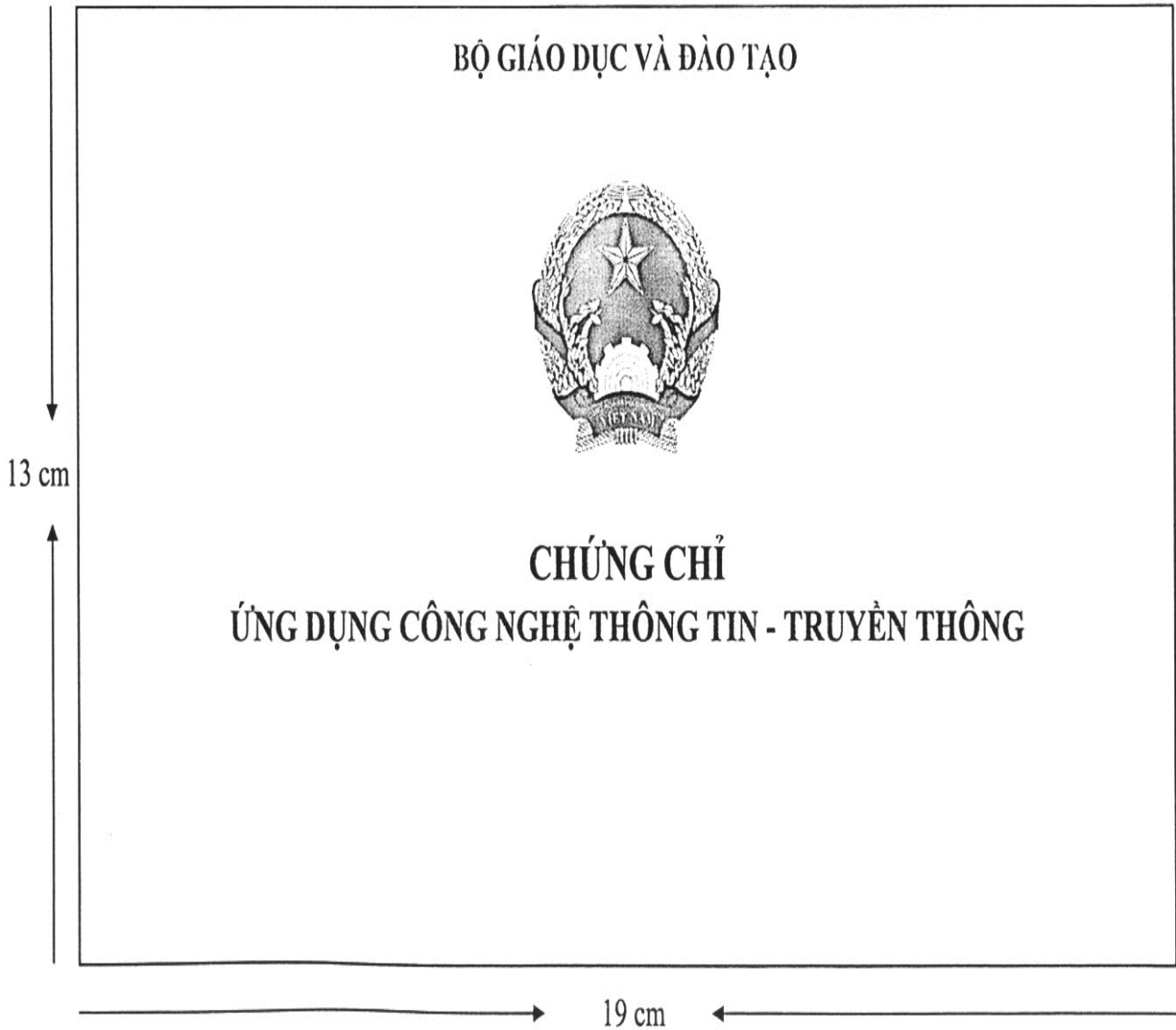
Xếp loại:⁽⁸⁾

.....⁽⁹⁾ ngày..... tháng..... năm.....⁽¹⁰⁾
.....⁽¹¹⁾

Số hiệu:⁽¹²⁾

Số vào sổ cấp chứng chỉ:⁽¹³⁾

19 cm



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG
(Phần kiến thức chuyên ngành)

Cấp cho:⁽³⁾

Sinh ngày:⁽⁴⁾ Tại⁽⁵⁾

Đã hoàn thành chương trình giáo dục thường xuyên về ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông,
(Phần kiến thức chuyên ngành)

Hội đồng thi:⁽⁷⁾

Xếp loại:⁽⁸⁾

.....⁽⁹⁾ ngày..... tháng..... năm.....⁽¹⁰⁾
.....⁽¹¹⁾

Số hiệu:⁽¹²⁾

Số vào sổ cấp chứng chỉ:⁽¹³⁾

13 cm

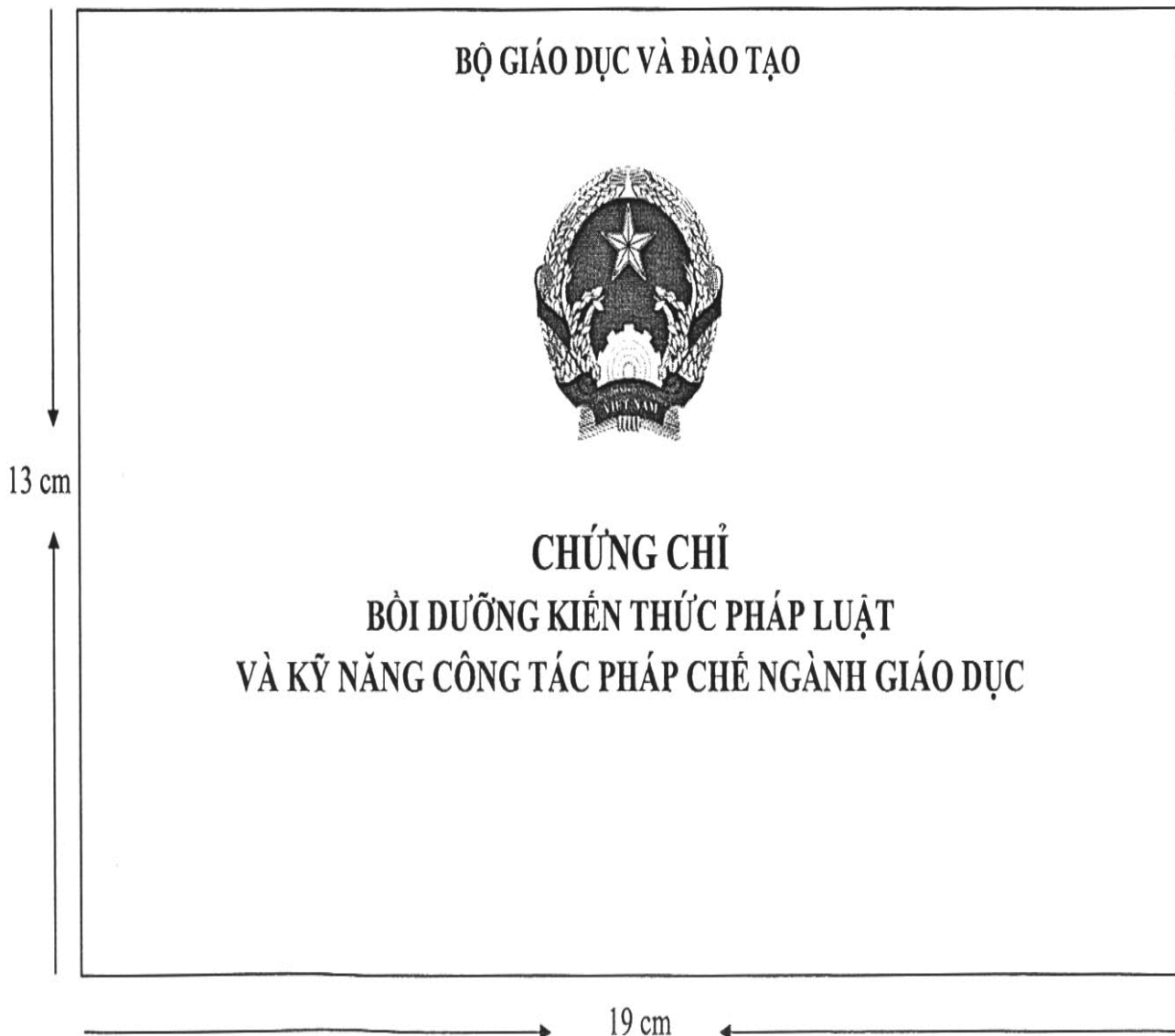
19 cm

Phụ lục V

**MẪU CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VÀ
KỸ NĂNG CÔNG TÁC PHÁP CHẾ NGÀNH GIÁO DỤC**

(kèm theo Quyết định số 34/2008/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mặt trước



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT
VÀ KỸ NĂNG CÔNG TÁC PHÁP CHẾ NGÀNH GIÁO DỤC

Cấp cho: ⁽³⁾

Sinh ngày: ⁽⁴⁾ Tại: ⁽⁵⁾

Cơ quan công tác: ⁽¹⁵⁾

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng công tác pháp chế cho cán bộ pháp chế ngành giáo dục.

Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm..... ⁽⁶⁾

Xếp loại: ⁽⁸⁾

..... ⁽⁹⁾ ngày..... tháng..... năm..... ⁽¹⁰⁾
..... ⁽¹¹⁾

Số hiệu: ⁽¹²⁾

Số vào sổ cấp chứng chỉ: ⁽¹³⁾

13 cm

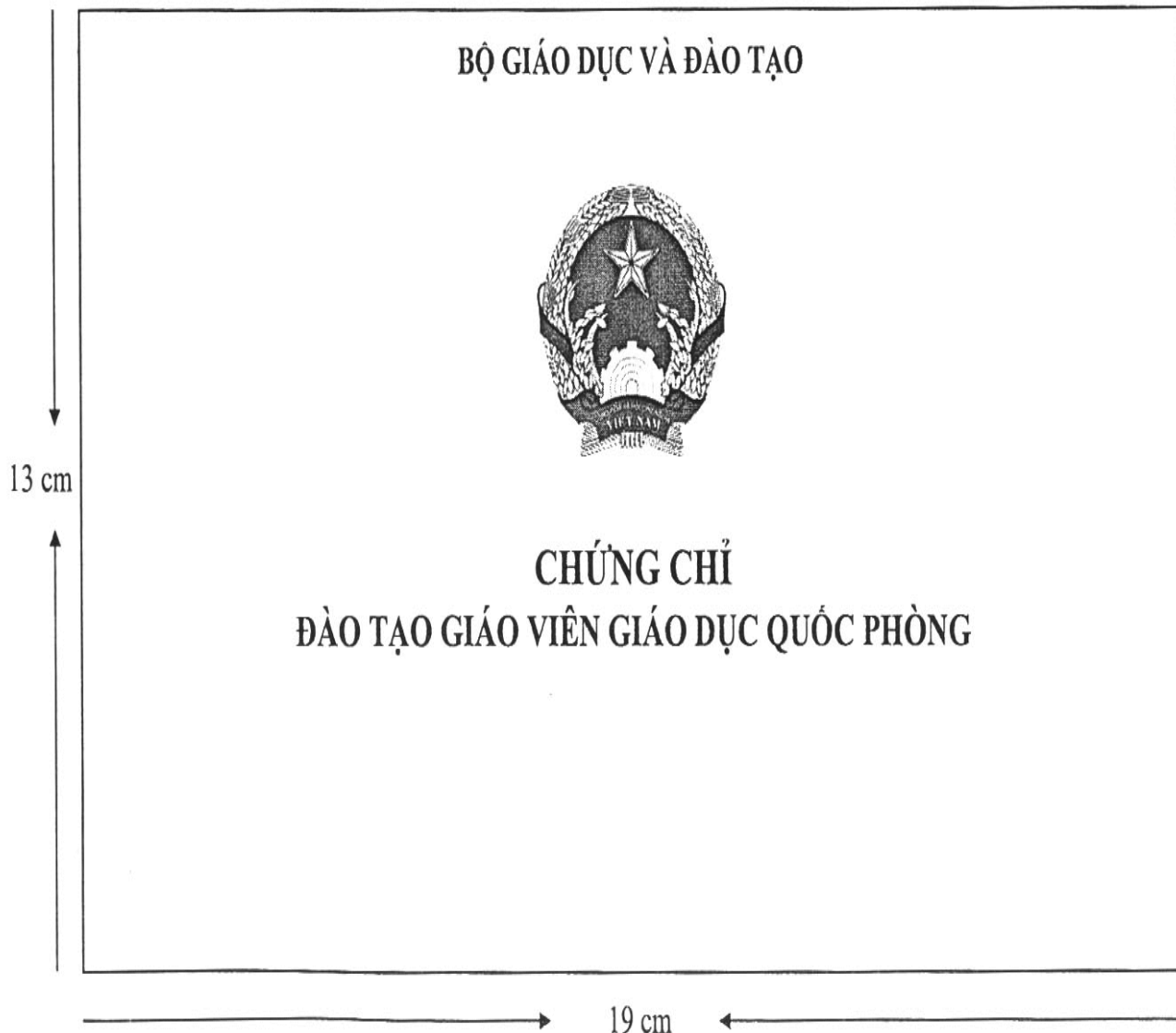
19 cm

Phụ lục VI

MẪU CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

(kèm theo Quyết định số 34/2008/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mặt trước



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Cấp cho:⁽³⁾

Sinh ngày:⁽⁴⁾ Tại:⁽⁵⁾

Đã hoàn thành chương trình đào tạo ngắn hạn giáo viên giáo dục quốc phòng, theo Quyết định số 46/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm⁽⁶⁾

Xếp loại:⁽⁸⁾

.....⁽⁹⁾ ngày..... tháng..... năm.....⁽¹⁰⁾
.....⁽¹¹⁾

Số hiệu:⁽¹²⁾

Số vào sổ cấp chứng chỉ:⁽¹³⁾

13 cm

19 cm

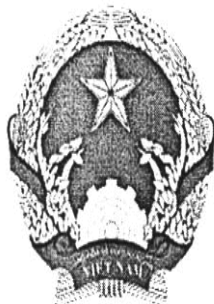
Phụ lục VII

MẪU CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

(kèm theo Quyết định số 34/2008/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mặt trước

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CHỨNG CHỈ
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

13 cm

19 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

Cấp cho:⁽³⁾

Sinh ngày:⁽⁴⁾ Tại:⁽⁵⁾

Đã hoàn thành chương trình môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh

Xếp loại:⁽⁸⁾

.....⁽⁹⁾ ngày..... tháng..... năm.....⁽¹⁰⁾.....
.....⁽¹¹⁾.....

Số hiệu:⁽¹²⁾

Số vào sổ cấp chứng chỉ:⁽¹³⁾

13 cm

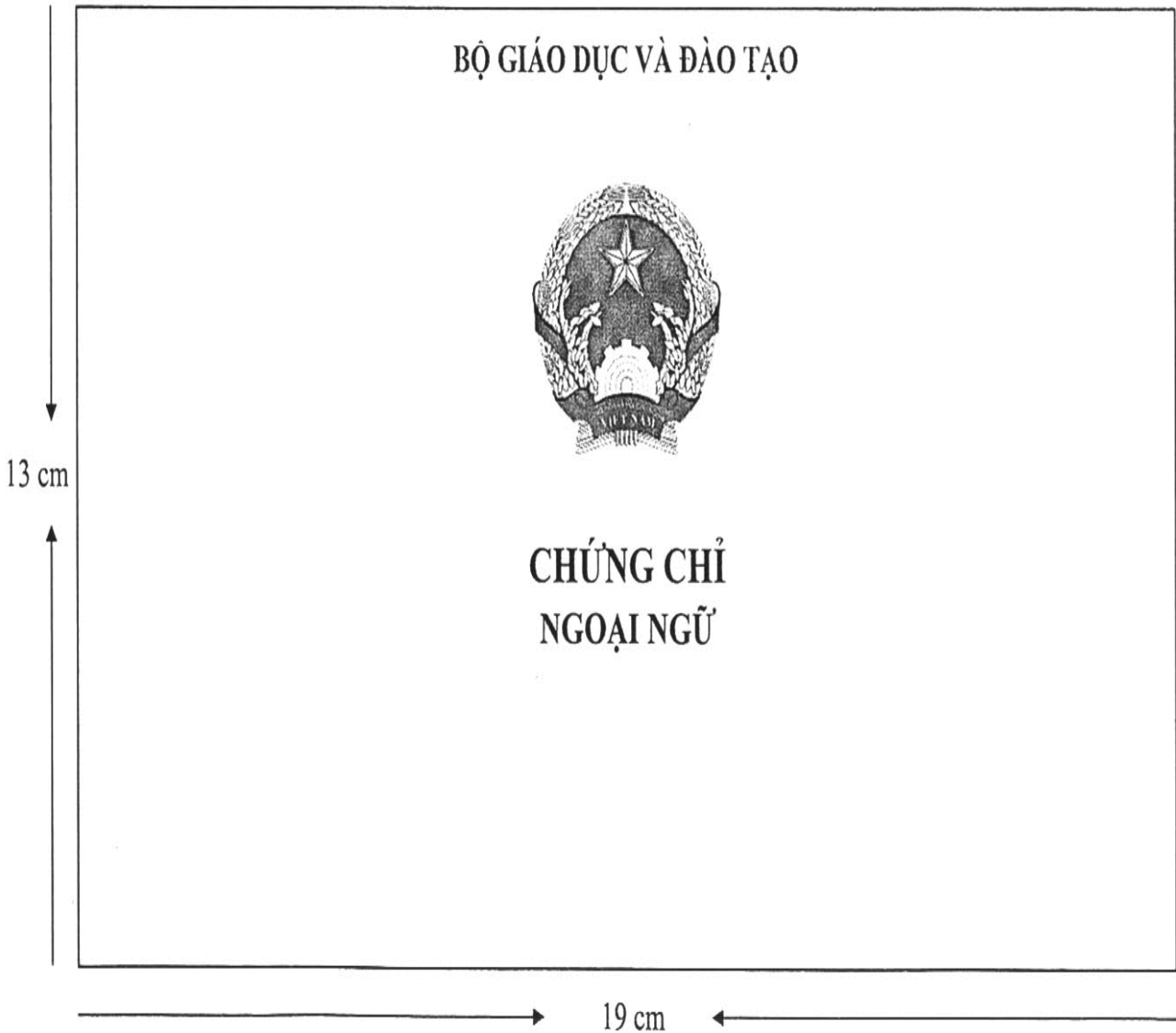
19 cm

Phụ lục VIII

MẪU CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TRÌNH ĐỘ A, B, C

(kèm theo Quyết định số 34/2008/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mặt trước



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

..... (16)
..... (2)

Cấp cho: (3)

Sinh ngày: (4)

Nơi sinh: (5)

Đã hoàn thành khóa học từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm..... (6)

Hội đồng kiểm tra: (7)

Xếp loại: (8)

..... (9) ngày..... tháng..... năm..... (10)

(11)

Số hiệu: (12)

Số vào sổ cấp chứng chỉ: (13)

13 cm

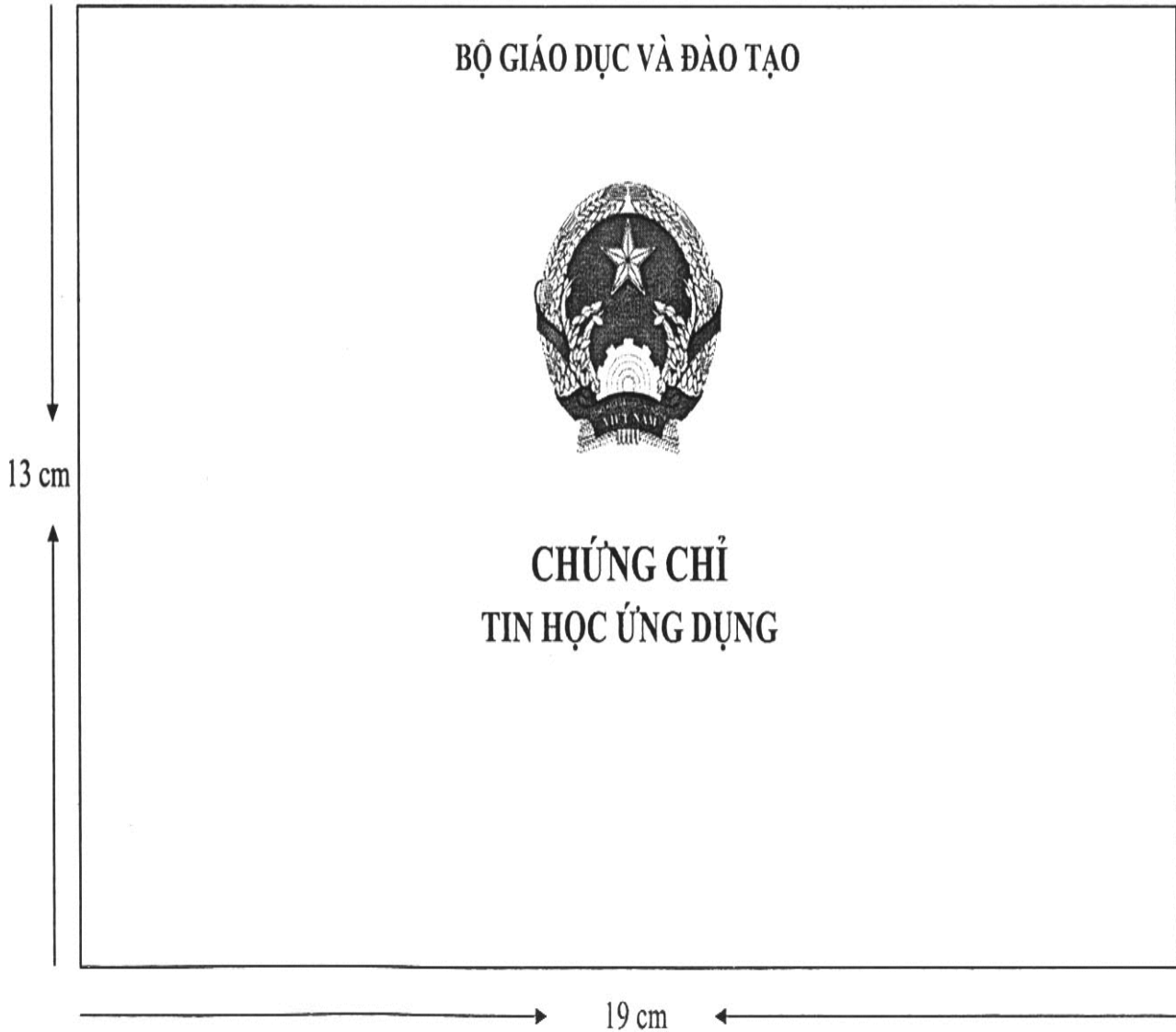
19 cm

Phụ lục IX

MẪU CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG TRÌNH ĐỘ A, B, C

(kèm theo Quyết định số 34/2008/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mặt trước



22928

CÔNG BẢO/Số 417 + 418/24-7-2008/VBQPPL/QĐ-BGDĐT/854

8866229680
LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ
TIN HỌC ỨNG DỤNG**

(2)

Cấp cho: (3)

Sinh ngày: (4)

Nơi sinh: (5)

Đã hoàn thành khóa học từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm..... (6)

Hội đồng kiểm tra: (7)

Xếp loại: (8)

..... (9) ngày..... tháng..... năm..... (10)

(11)

Số hiệu: (12)

Số vào sổ cấp chứng chỉ: (13)

13 cm

19 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

..... (1)
..... (2)

Cấp cho: (3)

Sinh ngày: (4)

Nơi sinh: (5)

Đã hoàn thành chương trình..... (1) (2)

Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm..... (6)

Hội đồng thi: (7)

Xếp loại: (8)

..... (9) ngày..... tháng..... năm..... (10)
..... (11)

Số hiệu: (12)

Số vào sổ cấp chứng chỉ: (13)

19 cm

13 cm

Phụ lục XI

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI TRÊN CHỨNG CHỈ
CỦA HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

(kèm theo Quyết định số 34/2008/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(1) Ghi tên chứng chỉ, theo tên của chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

(2) Ghi trình độ đối với các chương trình có phân chia trình độ (Ví dụ: trình độ A, trình độ B, trình độ C); nếu không phân chia trình độ thì không ghi.

(3) Ghi đầy đủ họ, tên đệm và tên theo giấy khai sinh.

(4) Ghi đầy đủ ngày sinh, tháng sinh, năm sinh theo giấy khai sinh. Nếu ngày sinh là ngày 1 đến ngày 9; tháng sinh là tháng 1, tháng 2 thì thêm số 0 ở trước (Ví dụ: 01, 02,...). Năm sinh ghi đầy đủ 04 chữ số.

(5) Ghi địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là nơi sinh của người học theo giấy khai sinh.

Nếu người được cấp chứng chỉ là người nước ngoài, việc ghi các thông tin tại điểm (3), (4), (5) căn cứ vào hộ chiếu.

(6) Ghi thời gian tổ chức chương trình học.

(7) Ghi tên Hội đồng. Nếu không thành lập Hội đồng thì không ghi.

(8) Ghi theo quy chế đào tạo và cấp chứng chỉ (ví dụ: Giỏi, Khá...).

(9) Ghi địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ quan cấp chứng chỉ đặt trụ sở chính.

(10) Ghi ngày tháng năm cấp chứng chỉ.

(11) Ghi chức danh của người có thẩm quyền cấp chứng chỉ.

(12) Số hiệu: là số do cơ quan, đơn vị in phôi chứng chỉ viết khi cấp phôi.

(13) Số vào sổ cấp chứng chỉ: là số ghi vào sổ gốc chứng chỉ.

(14) Ghi tên dân tộc.

(15) Ghi tên cơ quan người học đang làm việc.

(16) Ghi tên ngoại ngữ (Ví dụ: Tiếng Anh, Tiếng Pháp).